| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN PHÚ**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 53/2024/QĐST-DS | *An Phú, ngày 14 tháng 3 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 262/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Đồng nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm: 1988, cư trú: tổ A, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985, cư trú: tổ A, ấp T, xã N, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1988

Cư trú: tổ A, ấp T, thị trấn L, huyện A, An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị T1, sinh năm 1968, cư trú: ấp Sa Tô, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị Bé T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thanh P và bà Võ Thị T1 thống nhất:

- Di sản thừa kế là phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04193 diện tích 2616,9m$^2$ đất trồng cây lâu năm (trong đó có 157,4m$^2$ đất trồng cây hàng năm khác thuộc hành lang giao thông, theo Quyết định số 1098/QĐ-UBND

ngày 29/6/2011 của UBND tỉnh A) thuộc thửa số 45, tờ bản đồ 11 được Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 26/8/2022 mang tên Nguyễn Thanh P, phần đất hiện đang do ông P quản lý sử dụng. Phần đất trị giá: 270.545.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu về việc hủy 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04193 diện tích 2616,9m$^2$ được Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 26/8/2022 và số CH01855 diện tích 10.338m$^2$ được Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 19/9/2014 đều mang tên Nguyễn Thanh P của bà Nguyễn Thị Bé T, bà Nguyễn Thị N.

- Phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01855 diện tích 10.338m$^2$ được Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 19/9/2014 mang tên Nguyễn Thanh P không phải di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn N1.

- Bà Võ Thị T1 từ chối nhận toàn bộ phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn N1.

2.2. Bà Nguyễn Thị Bé T, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thanh P thống nhất thỏa thuận chia di sản thừa kế như sau:

- Bà Nguyễn Thị Bé T được quyền quản lý, sử dụng phần đất tại các điểm 8, 9, 10, 11 diện tích 173,2m$^2$ theo bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 08/01/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A, chi nhánh huyện A thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04193 diện tích 2.616,9m$^2$ đất trồng cây lâu năm (trong đó có 157,4m$^2$ đất trồng cây hàng năm khác thuộc hành lang giao thông, theo Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của UBND tỉnh A) thuộc thửa số 45, tờ bản đồ 11 được Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 26/8/2022 mang tên Nguyễn Thanh P. Giá trị phần đất 19.052.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị N được quyền quản lý, sử dụng phần đất tại các điểm 7, 8, 11, 12 diện tích 175,7m$^2$ theo bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 08/01/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A, chi nhánh huyện A thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04193 diện tích 2.616,9m$^2$ đất trồng cây lâu năm (trong đó có 157,4m$^2$ đất trồng cây hàng năm khác thuộc hành lang giao thông, theo Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của UBND tỉnh A ) thuộc thửa số 45, tờ bản đồ 11 được Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 26/8/2022 mang tên Nguyễn Thanh P. Giá trị phần đất 19.327.000 đồng.

- Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Bản vẽ hiện trạng phần đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A – chi nhánh A ngày 08/01/2024 là một phần không thể tách rời của Bản án, quyết định.

2.3. Ông P có trách nhiệm di dời 22 cây xoài khi bà T, bà N có nhu cầu sử dụng phần đất, chi phí ông P tự chịu. Thời gian thực hiện tháng 05/2024.

2.4. Về chí phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bé T, bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu số tiền 4.202.552đ theo Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 15/02/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A và Biên nhận tạm ứng chi phí tố tụng của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: 6.764.000 đồng (đã làm tròn).

Bà Nguyễn Thị Bé T, bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bé T tự nguyện chịu 3.382.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008596 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Bà T được hoàn lại 2.993.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 3.382.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008598 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Bà N được hoàn lại 2.993.000 đồng.

Ông Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKS huyện An Phú;
- VKS tỉnh An Giang;
- Cơ quan THA;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thảo Ngân**